

Thứ sáu, ngày 22 tháng 11 năm 2019

Vietnam Daily Review

Mất điểm về cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 25/11/2019	•		
Tuần 25/11-29/11/2019		•	
Tháng 11/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Nỗ lực hồi phục của VN-Index trong phiên sáng là bất thành khi gặp áp lực bán gia tăng tại các mã VHM, VCB, VRE, BID, HVN. Đến phiên chiều, chỉ số tiếp tục mở rộng đà giảm và để mất ngưỡng 980 điểm. Thị trường có phiên giảm điểm mạnh liên tiếp đi ngược với đà tăng của các TTCK chủ chốt khác trong khu vực. Nhìn chung, với việc lùi khá sâu sau các mức hỗ trợ quan trọng, VN-Index đang vận động trong vùng giá khá rủi ro. Nhà đầu tư nên thận trọng và cân nhắc giảm tỷ trọng nắm giữ trong những nhịp hồi về các mức kháng cự cao hơn.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2001, các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 940 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 22/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng. TCB điều chỉnh giảm sau vận động tích lũy ngắn hạn quanh mốc 24.5. Thanh khoản tăng đồng thuận với tín hiệu điều chỉnh bởi các chỉ báo động lượng. Vận động giảm ngắn hạn của TCB có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Chiến tranh thương mại_0.2%. 6/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX** (-1.0%). Đặc biệt, danh mục **Chiến tranh thương mại** - kỳ vọng KQKD tích cực và tăng trưởng nhờ căng thẳng chiến tranh thương mại - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.2%**.

Phân tích kỹ thuật: VRC_Hưng phấn (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **-10.11 điểm**, đóng cửa 977.78. HNX-Index **-1.65 điểm**, đóng cửa 103.09.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+0.89); TCH (+0.19); VPB (+0.14); BHN (+0.12); EIB (+0.09)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-2.15); VHM (-1.75); BID (-1.16); SAB (-1.11); GAS (-0.56)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,192 tỷ đồng**, +2.34% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 22.67 điểm. Thị trường có 90 mã tăng, 58 mã tham chiếu và 243 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **11.19 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VCB (46.16 tỷ), VHM (19.50 tỷ) và VJC (12.95 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **7.94 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

977.78

Giá trị: 4192.2 tỷ

-10.11 (-1.02%)

Khối ngoại (ròng): -11.19 tỷ

HNX-INDEX

103.09

Giá trị: 318.73 tỷ

-1.65 (-1.58%)

Khối ngoại (ròng): -7.94 tỷ

UPCOM-INDEX

56.40

Giá trị: 232.33 tỷ

-0.17 (-0.3%)

Khối ngoại (ròng): -2.28 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.4	-0.38%
Giá vàng	1,471	0.46%
Tỷ giá USD/VND	23,197	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,635	-0.29%
Tỷ giá JPY/VND	21,379	0.09%
LS liên NH 1 tháng	3.6%	26.79%
LS TPCP 5 năm	2.5%	-0.91%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	22.7	VCB	-46.2
VRE	20.5	VHM	-20.2
E1VFN30	18.0	VJC	-12.9
HPG	17.7	SAB	-10.3
PLX	8.9	VGC	-10.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **6/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX** (-1.0%). Đặc biệt, danh mục **Chiến tranh thương mại** - kỳ vọng KQKD tích cực và tăng trưởng nhờ căng thẳng chiến tranh thương mại - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.2%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung.
- **7/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Chiến tranh thương mại_0.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Chiến tranh thương mại	0.2%	0.2%	-1.7%	-5.5%	-8.6%	-4.0%	9.8%
FTSE Việt Nam	-0.4%	-2.2%	-1.0%	0.5%	1.4%	14.4%	82.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.5%	-3.2%	-3.4%	-0.5%	7.1%	15.9%	85.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.6%	-2.8%	-1.5%	-1.1%	-1.8%	9.3%	78.1%
Vật liệu Xây dựng	-0.6%	-1.3%	-2.8%	0.7%	0.8%	7.5%	4.4%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.9%	-3.4%	-4.7%	-1.6%	3.4%	6.0%	66.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.1%	-4.1%	-2.9%	3.6%	5.4%	3.3%	41.1%
BĐS & Khu công nghiệp	-1.1%	-1.6%	-0.2%	0.0%	2.5%	9.3%	61.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.1%	-2.3%	-1.1%	-2.9%	-8.2%	-10.7%	48.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-1.2%	-3.8%	-4.2%	1.8%	15.9%	28.4%	124.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.3%	-4.0%	-5.3%	-0.3%	9.1%	11.1%	72.4%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.3%	0.2%	0.9%	-2.6%	-4.4%	17.8%	47.3%
Lãi suất giảm	-1.5%	-3.1%	-5.9%	-5.1%	-6.6%	-1.2%	46.7%
Ngân hàng	-1.5%	-4.1%	-2.0%	5.3%	13.5%	12.8%	85.7%
Xây dựng & Vật liệu XD	-1.5%	-2.4%	-5.5%	-2.1%	-5.7%	-3.4%	-6.2%
Nước & Năng lượng	-1.6%	-2.3%	-0.6%	-1.2%	-4.8%	11.9%	50.9%
Dầu khí	-1.9%	-2.7%	1.0%	-2.1%	-8.3%	1.7%	21.9%
Hàng tiêu dùng	-2.5%	-5.7%	-9.8%	-6.7%	-1.7%	2.1%	46.8%
Xây dựng	-2.6%	-3.5%	-7.2%	-7.1%	-12.3%	-9.5%	22.4%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 13	0.6%	-0.9%	-4.0%	-1.8%	3.0%	8.1%	37.2%
Danh mục 10	0.4%	-1.6%	-3.6%	-4.4%	-0.1%	5.2%	47.9%
Danh mục 2	-0.7%	-3.2%	-2.4%	-0.6%	4.9%	14.8%	107.9%
Danh mục 6	-2.1%	-3.2%	-5.2%	-1.6%	6.8%	15.0%	96.7%
Danh mục 9	-2.1%	-2.9%	-3.0%	1.4%	3.8%	10.1%	57.2%
* Note	7/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 19	-0.5%	-1.7%	-2.9%	2.4%	11.2%	24.0%	60.1%
Danh mục 22	-0.6%	-2.7%	-5.2%	-1.7%	8.6%	19.7%	63.3%
Danh mục 25	-0.7%	-2.4%	-5.0%	-4.6%	10.3%	37.5%	143.6%
Danh mục 24	-1.4%	-3.4%	-4.5%	-2.2%	4.3%	32.0%	95.1%
Danh mục 23	-1.6%	-2.2%	-3.8%	-3.8%	0.2%	33.2%	115.7%
* Note	4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						

INDEX							
VNINDEX	-1.0%	-3.2%	-1.6%	-0.5%	0.6%	6.7%	44.0%
VN30INDEX	-0.7%	-3.8%	-3.6%	0.0%	1.0%	0.4%	39.0%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

11/22/2019

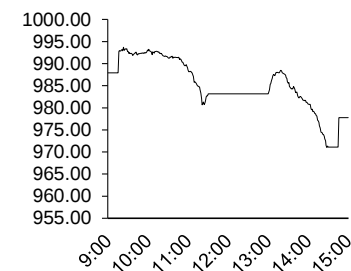
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

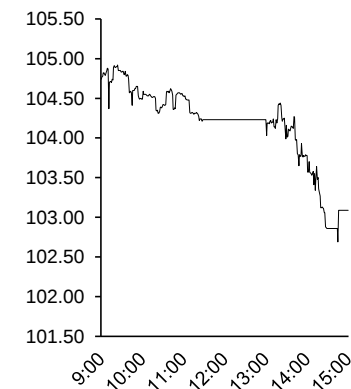
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	n/a
Ngân hàng	n/a
Thực phẩm và đồ uống	n/a
Bảo hiểm	n/a
Ô tô và phụ tùng	n/a
Tài nguyên Cơ bản	n/a
Công nghệ Thông tin	n/a
Hóa chất	n/a
Truyền thông	n/a
Xây dựng và Vật liệu	n/a
Bất động sản	n/a
Hàng cá nhân & Gia dụng	n/a
Dịch vụ tài chính	n/a
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	n/a
Du lịch và Giải trí	n/a
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	n/a
Y tế	n/a
Dầu khí	n/a
Viễn thông	n/a

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

VRC_Hưng phấn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: ở trong vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 duy trì trên EMA26.

Nhận định: VRC vẫn đang trong quá trình tăng tích cực từ cuối tháng trước sau khi đã tạo mô hình hai đáy hướng lên khá vững tại nền giá 15. Thanh khoản trong phiên hôm nay tăng mạnh đẩy giá cổ phiếu tăng 4.44%, đóng cửa tại mốc 20, trở thành một trong số ít cổ phiếu đi ngược lại đà giảm mạnh của thị trường chung. Các chỉ báo xu hướng đều đồng thuận với trạng thái tích cực của VRC. Chỉ báo động lượng RSI đã nằm trong vùng quá mua từ đầu tháng nay nhưng chưa có dấu hiệu nào cho thấy có thể xảy ra một sự điều chỉnh trong ngắn hạn. Ngưỡng kháng cự gần nhất của cổ phiếu nằm tại vùng giá 22. Tuy vậy, theo đánh giá của chúng tôi, VRC có thể tiến xa hơn thế và tiềm năng cao sẽ tiếp cận lại khu vực giá lịch sử tại xung quanh mốc 25.5 trong trung hạn.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

ANV_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 22/11/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 22/11	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	58.41	2.09%	2.62%	7.83%	8.20%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	63.67	2.07%	2.13%	6.66%	1.71%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.70	2.60%	4.91%	5.65%	13.84%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1465.63	-0.60%	-0.22%	-1.45%	19.52%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.11	-0.60%	0.60%	-2.29%	18.19%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	900.51	-0.46%	0.31%	-3.59%	1.38%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	507.37	-1.32%	-0.06%	-2.05%	1.88%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.37	0.15%	0.89%	9.22%	40.68%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	169.20	3.17%	3.87%	14.02%	25.15%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.61	-1.10%	-1.56%	3.53%	1.12%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.28	-2.38%	-2.38%	1.23%	13.10%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	115.25	5.06%	6.66%	16.53%	7.56%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.62	-0.84%	0.13%	-0.14%	-6.23%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3795.00	-0.94%	7.08%	10.19%	-4.31%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1741.00	0.58%	-1.36%	0.69%	-10.56%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	84.50	0.60%	6.96%	-1.17%	14.97%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	73.18	0.22%	3.43%	5.95%	-25.14%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, giá dầu thô Brent kỳ hạn tăng 1.57 USD, tương đương 2.5%, lên 63.97 USD/thùng. Giá dầu WTI đạt 57.11 USD/thùng, tăng 1.57 USD, tương đương 2.8%, lên 58.58 USD.
- Giá dầu tăng nhảy vọt thêm gần 3% lên mức cao nhất trong gần 2 tháng sau khi có tin OPEC và các đồng minh có thể sẽ kéo dài thời hạn cắt giảm sản lượng cho đến giữa năm 2020. Để hỗ trợ giá dầu, Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và các đồng minh có thể sẽ gia hạn cắt giảm sản lượng đến tháng 6 trong cuộc họp vào tháng tới, theo nguồn tin của OPEC. Khả năng cắt giảm sâu hơn nữa là không xảy ra vào thời điểm hiện tại, nhưng sẽ kéo dài thời hạn cắt giảm như hiện nay. Đồng thời, những dấu hiệu mới cho thấy Trung Quốc đã mời các nhà đàm phán thương mại Mỹ tham gia một vòng đàm phán mới.
- Tình trạng bất ổn nổ ra vào ngày 15/11 tại Iran sau khi chính phủ tuyên bố tăng giá xăng ít nhất 50%, điều này đã nhanh chóng chuyển sang chính trị khi những người biểu tình yêu cầu các quan chức hàng đầu từ chức, cũng là yếu tố hỗ trợ giá dầu.

Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay giảm 0.5% xuống còn 1,464.43 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 12/2019 tại Mỹ giảm 0.7% xuống mức 1,463.60 USD/ounce.
- Giá vàng giảm sau khi có tin về việc Trung Quốc đã mời các nhà đàm phán hàng đầu của Mỹ tham dự vòng đàm phán mới, đã khơi dậy một số hy vọng liên quan đến thỏa thuận thương mại hai cường quốc.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt tại Sở giao dịch hàng hóa Đại Liên, kỳ hạn tháng 1/2020 tăng hơn 0.7% đạt 641.50 CNY(91.16 USD)/tấn. Giá thép xây dựng kỳ hạn tháng 1/2020 trên Sàn Thương Hải đã giảm 1.1% xuống 3,619 CNY/tấn. Giá thép cuộn dây cán nóng tại Sàn Thương Hải giảm 1.1% xuống còn 3,496 CNY/tấn.
- Giá quặng sắt kỳ hạn tại Trung Quốc chốt phiên đã tăng nhẹ sau khi giảm mạnh vào phiên sáng trong bối cảnh không chắc chắn liệu Bắc Kinh và Washington có thể đạt được thỏa thuận thương mại "giai đoạn một" trong năm nay hay không.

Giá cao su

- Tại Tocom, giá cao su kỳ hạn tháng 4/2020 tăng 0.6 JPY đạt 188.1 JPY(1.73 USD)/kg. Tại Thượng Hải, giá cao su tăng vọt 215 CNY đạt 12,595 CNY(1,790 USD)/tấn. Giá cao su kỳ hạn tại Sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) đã tăng phiên thứ 4 liên tiếp lên mức cao nhất 4 tháng theo xu hướng giá cao su tại Thượng Hải và hy vọng về những tiến bộ trong cuộc đàm phán thương mại Trung-Mỹ.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica trên sàn ICE giao tháng 3/2020 tăng 3 cent, tương đương 2.8%, lên 1.1400 USD/lb, đạt mức cao nhất kể từ đầu tháng 7 là 1.1440 USD/lb. Giá cà phê Robusta trên sàn London giao tháng 1/2020 cũng tăng 5 USD, tương đương 0.4%, lên 1,392 USD/tấn. Giá cà phê Arabica kỳ hạn trên sàn ICE đã tăng lên mức cao nhất 4.5 tháng do hoạt động giao dịch trực lợi trong bối cảnh nguồn cung bị thắt chặt.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 0.03 cent, tương đương 0.3%, xuống 12.72 cent/lb. Giá đường giao dịch trong phạm vi hẹp gần đây khi sản lượng giảm trong năm 2019/20 được bù đắp bởi việc các nhà sản xuất bán hàng dự trữ dư thừa đã xây dựng trong vài năm qua.
- Đối với loại 5% tằm, gạo Việt Nam ổn định ở mức 345 USD/tấn - 350 USD/tấn, trong khi đó gạo Thái Lan dao động từ 394 - 410 USD/tấn so với mức 395- 409 USD/tấn, và gạo Ấn Độ giảm còn 358- 362 USD/tấn, mức thấp nhất kể từ 1/2017 so với 363- 368 USD/tấn tuần trước.

BẦY CỪU VÀ NHỮNG CON SÓI

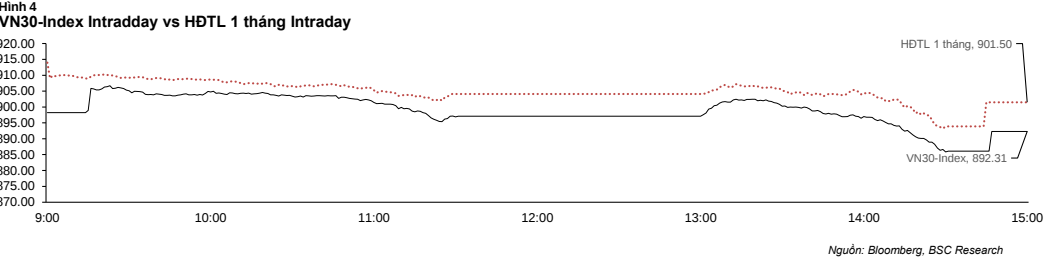
Có một người chăn cừu quyết định đưa đàn cừu của mình lên sống ở phía bắc. Lúc đầu, khí hậu rất thích hợp cho đàn cừu, nên chúng sống rất phồn phỡ, thoải mái. Cũng chính vì thế mà lũ cừu trở lên lười biếng. Rồi mùa đông đến, nhiệt độ xuống rất thấp, khiến lũ cừu không thể chịu đựng nổi, nhiều con đã chết rét. Người chăn cừu rất lo lắng. Anh ta suy nghĩ mãi, rồi đưa ra một giải pháp có vẻ liều lĩnh: thả vài con sói vào bầy cừu. Lúc này, bầy cừu cảm thấy tính mạng của chúng đang bị đe dọa nên không ngừng chạy trốn sự truy đuổi của bầy sói. Chính sự vận động ấy đã giúp chúng chống lại cái rét, và số cừu chết ít hơn trước đây khá nhiều.

Qua câu chuyện kể trên, ta đều thấy: Thách thức đôi khi là cơ hội.

Đôi khi, chính những mối nguy hiểm lại khiến chúng ta sống tốt hơn. Một nhà đầu tư cũng vậy, chỉ có thể sống mạnh mẽ hơn khi luôn có ý thức về nguy cơ trong quá trình đầu tư để không quá chìm đắm trong thành công. Điều quan trọng là bạn phải biết kiểm soát những nguy cơ này để đưa ra được những quyết định có lợi, nếu không đàn sói sẽ ăn hết đàn cừu của bạn khi bạn không để ý đến.



Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1912	901.50	-1.37%	9.19	416.6%	88949	12/19/2019	27
VN30F2001	902.00	n/a	9.69	n/a	849	1/16/2020	55
VN30F2003	905.00	-1.45%	12.69	77.8%	112	3/19/2020	118
VN30F2006	906.60	-1.46%	14.29	117.7%	209	6/18/2020	209

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -5.92 điểm xuống mức 892.31 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VHM, VCB, MSN, và HDB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 tích lũy quanh ngưỡng 904 điểm trước khi giảm mạnh về cuối phiên. Sang phiên chiều, VN30 tiếp tục giảm mạnh trước khi phục hồi vào phiên ATC lên trên 990 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức cao, cùng các chỉ báo cho thấy VN30 có thể tiếp tục điều chỉnh giảm xuống ngưỡng 980 điểm trong những phiên tới.
- Ngoại trừ VN30F2001, các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2001, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động hồi phục trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 940 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG1907	SSI	4/22/2020	152	1:1	18,990	-20.6%	1.0 triệu	25.36%	4,200	4,000	6.67%	2,275.70	1.76
CHPG1905	SSI	12/30/2019	38	1:1	146,900	-17.1%	1.0 triệu	25.36%	3,300	780	5.41%	375.90	2.08
CVIC1902	SSI	4/22/2020	152	1:1	7,300	-37.9%	1.0 triệu	17.31%	22,700	17,470	4.24%	7,009.50	2.49
CMBB1904	SSI	1/22/2020	61	1:1	37,110	459.7%	2.0 triệu	16.47%	2,900	2,600	2.36%	891.60	2.92
CFPT1903	SSI	12/30/2019	38	1:1	34,160	-66.2%	2.0 triệu	21.05%	6,000	11,900	1.71%	11,088.20	1.07
CMBB1906	VND	1/9/2020	48	2:1	51,440	76.4%	3.0 triệu	16.47%	2,100	1,690	1.20%	1,243.10	1.36
CTCB1901	MBS	1/17/2020	56	2:1	30,250	-54.4%	2.0 triệu	20.78%	1,680	1,200	0.00%	310.70	3.86
CREE1904	VND	1/9/2020	48	2:1	2,720	-64.3%	3.0 triệu	23.38%	3,400	2,200	-0.90%	1,802.10	1.22
CVNM1904	HSC	4/8/2020	138	10:1	53,720	-59.7%	5.0 triệu	17.95%	1,900	1,180	-1.67%	213.50	5.53
CNVL1901	KIS	2/7/2020	77	4:1	32,550	-66.9%	5.0 triệu	19.57%	1,900	1,350	-2.17%	165.60	8.15
CMWG1903	HSC	12/30/2019	38	5:1	154,460	31.7%	2.0 triệu	21.32%	2,700	3,680	-16.36%	3,286.90	1.12
CVHM1902	SSI	4/22/2020	152	1:1	35,170	52.5%	1.0 triệu	23.55%	18,600	17,500	-16.67%	11,899.40	1.47
CVHM1901	KIS	2/7/2020	77	4:1	39,990	66.3%	5.0 triệu	23.55%	3,100	3,390	-17.52%	1,648.20	2.06
CVNM1905	MBS	4/28/2020	158	10:1	51,540	1767.4%	1.5 triệu	17.95%	2,500	1,530	-19.47%	452.70	3.38
CDPM1901	KIS	1/9/2020	48	1:1	161,360	-9.0%	1.5 triệu	26.93%	1,900	1,040	-21.80%	234.10	4.44
CMWG1905	VCSC	12/9/2019	17	5:1	11,930	-77.5%	1.5 triệu	21.32%	5,600	3,260	-22.75%	3,441.60	0.95
CMBB1902	HSC	12/17/2019	25	1:1	186,510	-43.3%	1.0 triệu	16.47%	3,200	2,100	-28.33%	767.50	2.74
CVNM1901	KIS	12/13/2020	387	10:1	457,240	-54.0%	5.0 triệu	17.95%	1,200	50	-28.57%	-	
CHPG1902	KIS	12/11/2019	19	5:1	927,250	2015.1%	6.0 triệu	25.36%	1,000	30	-40.00%	-	
CMWG1906	MBS	12/16/2019	24	5:1	64,670	13.9%	3.0 triệu	21.32%	2,850	430	-44.16%	36.60	11.75
Tổng:					2,505,260		47.50 triệu	20.97%**					
Chú thích:		Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
		Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
		**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 22/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.
- Về giá, CMWG1906 và CHPG1902 giảm mạnh nhất lần lượt là -44.16% và -40.00%. Thanh khoản thị trường tăng 11.06%. CHPG1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 21.89% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là VHM và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. TCB điều chỉnh giảm sau vận động tích lũy ngắn hạn quanh mốc 24.5. Thanh khoản tăng đồng thuận với tín hiệu điều chỉnh bởi các chỉ báo động lượng. Vận động giảm ngắn hạn của TCB có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	116.20	0.78	0.56
VPB	20.20	1.00	0.47
EIB	17.00	1.49	0.36
HPG	22.10	0.45	0.23
STB	10.25	0.49	0.13

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	23.1	-1.91	-1.42
VHM	93.5	-1.89	-0.93
VCB	85.5	-2.29	-0.82
MSN	70.5	-1.40	-0.65
HDB	27.8	-2.28	-0.62

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG1907	25,200	21,000	22,100
CHPG1905	93,300	23,100	22,100
CVIC1902	137,700	115,000	116,200
CMBB1904	24,900	22,000	22,350
CFPT1903	51,140	45,140	56,000
CMBB1906	24,200	20,000	22,350
CTCB1901	26,860	23,500	23,050
CREE1904	40,800	34,000	36,700
CVNM1904	152,000	133,000	121,500
CNVL1901	69,688	62,088	57,000
CMWG1903	25,800	95,000	112,000
CVHM1902	103,600	85,000	93,500
CVHM1901	102,288	89,888	93,500
CVNM1905	151,800	126,800	121,500
CDPM1901	15,888	13,988	13,150
CMWG1905	122,000	94,000	112,000
CMBB1902	26,300	21,800	22,350
CVNM1901	46,340	156,285	121,500
CHPG1902	166,285	41,999	22,100
CMWG1906	135,150	120,900	112,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	112.0	-1.3%	0.7	2,156	4.3	8,321	13.5	4.4	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	81.6	-1.1%	0.9	790	2.2	4,839	16.9	4.4	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	70.9	0.6%	1.3	2,161	0.4	1,889	37.5	3.2	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.4	-1.3%	0.7	316	0.1	2,801	11.2	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	116.2	0.8%	1.0	16,904	1.6	1,589	73.1	5.0	15.1%	7.8%
VRE	Bất động sản	34.8	-0.6%	1.1	3,524	10.9	1,033	33.7	2.8	32.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	57.0	0.0%	0.8	2,306	1.0	3,187	17.9	2.6	7.3%	15.5%
REE	Bất động sản	36.7	-1.5%	1.0	495	1.7	5,614	6.5	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	14.9	-4.5%	1.4	341	3.2	3,215	4.6	0.9	45.8%	25.9%
SSI	Chứng khoán	20.1	-1.5%	1.4	444	1.7	1,769	11.4	1.1	56.3%	9.4%
VCI	Chứng khoán	33.4	-0.3%	1.0	239	0.6	5,067	6.6	1.5	37.8%	24.7%
HCM	Chứng khoán	24.0	-3.2%	1.4	319	1.3	1,287	18.6	1.7	57.7%	10.2%
FPT	Công nghệ	56.0	0.0%	0.8	1,651	4.0	4,688	11.9	2.8	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	103.1	-1.0%	1.6	8,579	1.9	5,886	17.5	4.3	3.7%	26.1%
PLX	Dầu khí	58.4	-2.2%	1.5	3,024	0.8	3,467	16.8	3.2	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	18.0	-2.2%	1.7	374	2.0	2,062	8.7	0.7	22.3%	8.5%
BSR	Dầu khí	9.7	-3.0%	0.8	1,308	1.3	1,163	8.3	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.0	0.0%	0.5	534	0.1	4,535	20.7	3.9	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.2	0.8%	0.7	224	0.2	650	20.2	0.7	19.2%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.9	-0.9%	0.6	159	0.1	625	11.1	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	85.5	-2.3%	1.3	13,787	5.1	5,274	16.2	3.9	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	40.2	-2.4%	1.5	7,030	1.8	2,109	19.1	2.4	21.1%	13.5%
CTG	Ngân hàng	21.1	-0.9%	1.6	3,416	3.7	1,641	12.9	1.1	29.3%	8.5%
VPB	Ngân hàng	20.2	1.0%	1.2	2,114	1.3	3,341	6.0	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	22.4	-0.2%	1.1	2,260	5.1	3,261	6.9	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.2	-3.3%	1.1	1,671	3.4	3,585	6.5	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	52.1	-3.3%	0.8	185	0.4	5,073	10.3	1.7	80.4%	16.5%
NTP	Nhựa	31.7	-2.5%	0.3	135	0.0	4,603	6.9	1.1	18.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	14.8	-1.3%	1.2	637	0.0	732	20.2	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.1	0.5%	1.0	2,653	5.6	2,526	8.8	1.3	37.7%	17.4%
HSG	Thép	7.6	-7.0%	1.6	140	3.5	890	8.5	0.6	17.2%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	121.5	-0.4%	0.7	9,199	3.8	5,527	22.0	7.8	58.6%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	235.0	-2.5%	0.8	6,552	0.6	7,365	31.9	8.4	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	70.5	-1.4%	1.2	3,583	2.5	4,512	15.6	2.4	39.9%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.2	-2.2%	0.6	464	0.8	440	41.4	1.5	6.2%	3.5%
ACV	Vận tải	75.5	-0.7%	0.8	7,146	0.2	2,630	28.7	5.4	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	143.0	-0.3%	1.1	3,257	2.7	9,850	14.5	5.5	19.7%	43.3%
HVN	Vận tải	33.8	-2.9%	1.7	2,084	0.9	1,747	19.3	2.6	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	24.0	-2.0%	0.8	310	0.4	1,949	12.3	1.1	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	17.4	-1.7%	0.6	213	0.4	2,571	6.8	1.2	32.1%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	84.0	-3.3%	0.9	584	1.1	8,338	10.1	4.3	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.5	-0.5%	0.8	361	0.6	1,398	13.2	1.3	13.5%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.5	2.8%	0.8	241	0.1	1,912	7.6	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	65.6	-3.5%	0.7	218	0.4	9,842	6.7	0.6	47.8%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.3	0.0%	1.1	524	0.7	1,557	17.5	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	24.0	-3.2%	0.5	259	0.5	1,845	13.0	1.1	51.3%	8.8%
POW	Điện	13.3	-2.9%	0.6	1,354	1.2	820	16.2	1.3	13.9%	7.8%
NT2	Điện	22.8	0.2%	0.6	285	0.2	2,721	8.4	1.6	19.1%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	116.20	0.78	0.89	308940.00
VPB	20.20	1.00	0.15	1.43MLN
TCH	26.90	5.08	0.14	4.78MLN
BHN	76.70	2.27	0.12	230.00
EIB	17.00	1.49	0.09	185380.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	85.50	-2.29	-2.18	1.35MLN
VHM	93.50	-1.89	-1.77	3.79MLN
SAB	235.00	-2.49	-1.13	54770.00
BID	40.20	-2.43	-1.01	1.04MLN
GAS	103.10	-0.96	-0.56	409620.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DTL	33.65	7.00	0.04	10.00
BTT	39.80	6.99	0.01	70.00
SC5	21.55	6.95	0.01	10.00
HTV	14.65	6.93	0.00	280.00
VSC	26.30	6.91	0.03	227760.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SMB	37.90	-10.82	-0.04	135770.00
HCD	3.33	-6.98	0.00	217060.00
CLG	4.40	-6.98	0.00	21010.00
ST8	18.00	-6.98	-0.01	720.00
HSG	7.61	-6.97	-0.07	10.14MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MBG	37.70	9.91	0.07	1.03MLN
NVB	9.10	1.11	0.04	409100.00
PVX	1.20	9.09	0.02	468300.00
VNR	19.00	5.56	0.02	700.00
MBS	14.70	4.26	0.02	316800.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

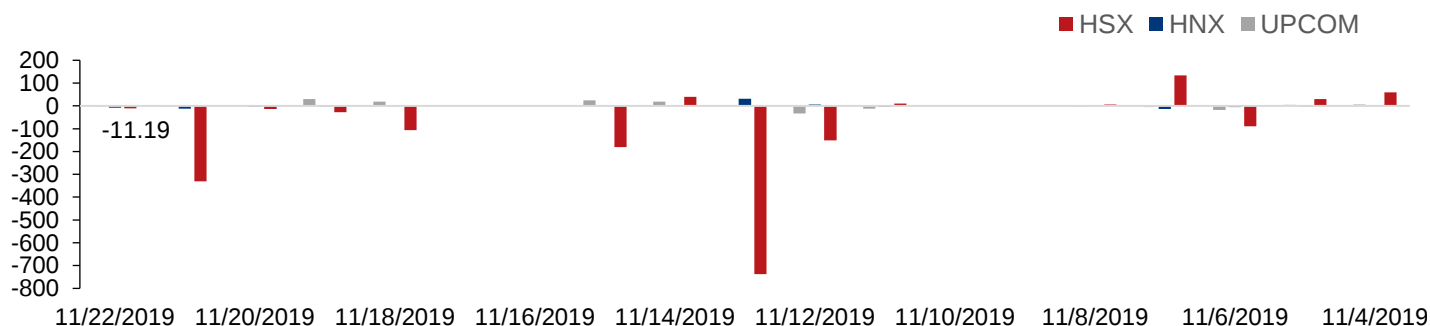
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.20	-3.33	-1.32	3.36MLN
SHB	6.40	-1.54	-0.11	2.27MLN
PVS	18.00	-2.17	-0.10	2.46MLN
VCS	84.00	-3.34	-0.10	308300.00
SHS	8.00	-3.61	-0.04	520800.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	25.0	0.00	51200.00
STP	6.60	10.0	0.00	100.00
TTZ	2.20	10.0	0.00	130900.00
MBG	37.70	9.9	0.07	1.03MLN
HAD	23.30	9.9	0.00	21600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSK	0.20	-33.33	0.00	103300.00
VCR	12.80	-9.86	-0.02	272200.00
BXH	13.80	-9.80	0.00	40000.00
PPP	12.00	-9.77	0.00	300.00
BLF	3.80	-9.52	0.00	73400.00



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
12	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
13	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
18	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	34.3	9,530	3.6	1.8	Click
2	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	56.0	4,688	11.9	2.8	Click
3	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	24.5	3,491	7.0	1.2	Click
4	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	18.6	2,246	8.3	0.9	Click
5	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	39.5	3,678	10.7	0.8	Click
6	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	70.5	4,512	15.6	2.4	Click
7	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	121.5	5,527	22.0	7.8	Click
8	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	21.8	2,887	7.6	1.5	Click
9	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	36.7	5,614	6.5	1.1	Click
10	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	77.5	14,958	5.2	1.5	Click
11	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.8	2,279	3.8	0.6	Click
12	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.2	3,585	6.5	1.5	Click
13	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.1	1,079	12.1	1.1	Click
14	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	85.5	5,274	16.2	3.9	Click
15	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	22.7	1,723	13.2	1.7	Click
16	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.4	3,261	6.9	1.3	Click
17	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	59.9	2,801	21.4	3.5	Click
18	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	24.0	1,949	12.3	1.1	Click
19	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	26.5	3,391	7.8	1.8	Click
20	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	56.0	4,688	11.9	2.8	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2019Q4	28/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 21873; Giá tại Publish 19350 Lũy kế 9 tháng, STK đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt 1,653.4 tỷ đồng (-7.2% YoY) và 161.1 tỷ đồng (+22.8% YoY) qua đó hoàn thành lần lượt 63.5% KHDT và 80.7% KHLNST. Riêng Quý 3, doanh thu thuần chỉ đạt 554.2 tỷ (-5.9% YoY) do thị trường các mặt hàng truyền thống sợi nguyên sinh tiêu thụ chậm lại làm sản lượng sợi virgin giảm -12.2% trong 9T19 và giá bán sợi nguyên sinh giảm khiến doanh thu bán sợi virgin giảm 24.1%, nguyên nhân do tác động bán phá giá từ Trung Quốc sang Việt Nam. Nếu Mỹ tiếp tục áp thuế 15% lên 160 tỷ USD hàng Trung Quốc vào 15/12 này thì khả năng giá sợi sẽ tiếp tục khó khăn.
Express SBT 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 18700 Kết thúc niên độ 2018-2019 (18-19) , SBT đạt KQKD tiếp tục suy giảm do tình hình khó khăn chung của ngành đường. DTT và LNST đạt lần lượt là 10,857 tỷ đồng (+5.5% YoY) và 259.3 tỷ đồng (-52% YoY), tương đương EPS đạt 437 VND/CP, qua đó SBT chỉ hoàn thành được 94% kế hoạch doanh thu và 62% kế hoạch LNTT. Tổng sản lượng tiêu thụ đường tăng trưởng tốt đạt 749,000 tấn (+31% YoY) tuy nhiên sản lượng mía ép chỉ đạt 2,761 ngàn tấn (-26% YoY) khiến cho sản lượng đường sản xuất giảm còn 542 ngàn tấn (-10% YoY), nguyên nhân chủ yếu là do tình hình biến đổi khí hậu chịu ảnh hưởng bởi El Nino với nắng hạn kéo dài.
Express HT1 2019Q4	22/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 18200; Giá tại Publish 16000 Doanh thu thuần 9T2019 đạt 6,553 tỷ (+8.1% YoY), hoàn thành 73.4% kế hoạch năm nhờ: (1) Sản lượng 9T đạt 5.4 triệu tấn (+9.7% YoY); (2) Giá bán bình quân giảm do năm 2019 tỷ trọng tiêu thụ xi măng rời của HT1 tăng từ 27% (2018) lên khoảng 33% trong 2019. Tuy nhiên, HT1 cho biết trong Q3 công ty đã tiến hành rà soát lại giá bán, điều chỉnh tăng với những vùng có giá bán thấp bất hợp lý. Biến LNG trong 9T2019 tăng từ 16.4% cùng kỳ lên 17.1%, chúng tôi cho rằng biến LNG được cải thiện 1 phần nhờ hỗ trợ bởi giá than (khoảng 30% giá vốn) giảm khoảng 50,000 đồng/tấn (tương đương giảm 1.5-2%). Giá than công ty nhập trong T10 vẫn đang trong xu hướng giảm sẽ hỗ trợ biến LN trong Q4/2019.
Express PHR 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 59300 KQKD 9 tháng: DT đạt 685 tỷ đồng (+3% yoy) và LNST đạt 429 tỷ đồng (+23.4% yoy) đến chủ yếu từ doanh thu mủ cao su đạt đến từ sản lượng 20,281.6 tấn (+4.6% yoy) với giá bán bình quân lũy kế 33.5 triệu đồng/tấn (-1.7% yoy), giá bán bình quân tháng 9 đạt 32.3 triệu đồng, cho thấy mức giá cao su vẫn chưa phục hồi. So với kế hoạch đặt ra đạt 68% lợi nhuận sau thuế. Lũy kế thu mua 9 tháng, sản lượng thu mua giảm đạt 8,709 tấn (-12.5% yoy) giúp cải thiện biên lợi nhuận từ mức 6.6% lên 8.1% do mảng thu mua gần như không có lãi.
Express DRC 2019Q4	15/10/2019	KKhuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 28381; Giá tại Publish 24450 Doanh thu quý 3 đạt 1,013 tỷ đồng (+8.3% yoy), LNST đạt 82 tỷ (gấp 2.65 lần cùng kỳ), biến LNG cải mức 11.8% lên 13%. Doanh nghiệp duy trì chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ở mức ổn định chiếm khoảng 4.4% doanh thu. Tỷ lệ giảm trừ doanh thu chiết khấu giảm từ 5.1% xuống còn 4.2%. Kết quả 9T2019 tương ứng hoàn thành 77% và 135% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn